

Checking ingredients

料理に豚肉が入るか確認する



SAY THIS / こう言おう

豚肉は入っていますか？

Butaniku wa haitte imasu ka?

- 🇬🇧 Ask staff whether a dish contains pork before ordering.
- 🇻🇳 Hỏi nhân viên món có thịt heo không trước khi gọi.
- 🇧🇷 Pergunte antes de pedir se o prato contém carne de porco.
- 🇵🇭 Itanong bago umorder kung may baboy ang pagkain.
- 🇨🇳 点餐前询问菜里是否有猪肉。
- 🇮🇩 Tanyakan apakah hidangan mengandung daging babi sebelum memesan.
- 🇯🇵 注文前に料理に豚肉が入るか確認する時に。